TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 -11-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phượng;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1989 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị D, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Trường Đ, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 8 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông U và bà D kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào ngày 22/10/2006, có tổ chức lễ cưới gã theo phong tục địa phương. Đến ngày 18/01/2013 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã thất lạc).

Lý do xin ly hôn: Lúc đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng thời gian gần đây giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà D đòi đi làm nhưng ông U không đồng ý. Đến ngày 19/10/2017, bà D tự ý bỏ nhà đi đến năm 2018 bà D quay về và yêu cầu ly hôn với ông U. Do bà D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn giữa bà D và ông U và vợ chồng

ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông U yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D.

- Về nuôi con chung: Ông U xác định vợ, chồng có 02 người con.

+ Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/7/2008 (nữ);

+ Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 18/7/2011 (nam).

Hai người con đang sống với ông U. Khi ly hôn, ông U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Bảo N và Hoàng D; Ông U không yêu cầu bà D có trách nhiệm cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Trần Thị D:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông U yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, về tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà D vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn U trình bày: Bảo lưu quan điểm nêu trên, hôn nhân giữa ông U và bà D có thời gian tìm hiểu khoảng 02 tháng, Năm 2018, bà D từng gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn nhưng bà D không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Từ năm 2018 đến nay, bà D có về thăm con 02 lần sau đó tiếp tục bỏ đi. Thời gian qua giữa bà D và ông U thường xuyên liên lạc (bằng điện thoại) nhưng cả hai vẫn duy trì tình trạng ly thân.

Bà D vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Tại đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 8 năm 2019, ông U yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị D và yêu cầu nuôi con chung, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Thị D được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử nhưng bà D vắng mặt 02 lần không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị D.

[2]. **Về nội dung vụ án.**

- Về hôn nhân: Ông U và bà D có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào ngày 22/10/2006, có tổ chức lễ cưới gã theo phong tục địa phương. Đến ngày 18/01/2013 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại

Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 10/2013, quyển số 01/2012. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị D được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa ông U và bà D xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, bà D đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông U tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn nhưng bà không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2018. Từ đó đến nay, ông U và bà D vẫn duy trì tình trạng ly thân. Nay ông U yêu cầu ly hôn với bà D, Hội đồng xét xử xét thấy bà D không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với ông U, bởi lẽ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, có tổ chức các phiên hòa giải nhằm hàn gắn hôn nhân nhưng bà D không tham gia, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa ông U và bà D đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn U đối với bà Trần Thị D theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Ông U xác định vợ, chồng có 02 người con.

+ Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/7/2008 (nữ);

+ Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 18/7/2011 (nam).

Hai người con đang sống với ông U. Khi ly hôn, ông U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Bảo N và Hoàng D. Xét thấy kể từ khi bà D và ông U ly thân thì các cháu Bảo N và Hoàng D sống chung với ông U, cuộc sống và việc học hành của các cháu được đảm bảo nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông U, giao các cháu Bảo N và Hoàng D cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu tại Biên bản (V/v ghi nhận lời trình bày của đương sự) ngày 29/08/2019 và theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ là có cơ sở.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 207, 220, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn U ly hôn với bà Trần Thị D.

2. Về nuôi con chung: Có 02 người con.

+ Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/7/2008 (nữ);

+ Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 18/7/2011 (nam).

Hai người con đang sống với ông U. Khi ly hôn, giao các cháu Bảo N và Hoàng D cho ông Nguyễn Văn U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông U được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006848 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, ông U không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền